

Thế giới đa vực: Cấu hình quyền lực thế giới đương đại

Vũ Hồng Lâm

Tóm tắt: Bài viết đi tìm một công thức cho cấu trúc quyền lực của thế giới đương đại. Các công thức phổ biến hiện nay như “đơn cực”, “đa cực” và “nhất siêu đa cường” đều chung một đặc điểm khi mô tả phân bố quyền lực thế giới là chỉ đo quyền lực địa chính trị theo chiều “thẳng đứng” (cực tính) mà bỏ qua chiều “nằm ngang” (vực tính). Để có được một mô tả đích xác hơn về trật tự thế giới, bài viết khảo sát phức hợp địa chính trị của thế giới đương đại theo cả hai chiều kích, từ đó phác họa các đặc điểm về trật tự và xu hướng ở các khu vực khác nhau trên thế giới. Theo đó, thế giới tuy về đại thể là đơn cực nhưng về cụ thể lại bao gồm nhiều địa bàn chiến lược đặc trưng bởi những cấu hình địa chính trị rất khác nhau. Đó là một thế giới đơn cực nhưng đa vực. Việt Nam nằm trong một khu vực cấu trúc đa cực nhưng có xu hướng lưỡng cực. Các cường quốc lớn nhất trong khu vực – Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản và Ấn Độ – đang tập hợp lại lực lượng, với Trung Quốc ở một bên và Mỹ, Nhật, Ấn tụ về một bên.

Đi tìm trật tự thế giới sau chiến tranh lạnh

Nếu ví quốc gia như một con tàu và trị quốc là việc chèo lái con tàu ấy thì trật tự thế giới cũng giống như địa hình, dòng chảy của vùng nước mà con tàu đang đi. Muốn trèo lái con tàu vượt qua thác ghềnh và đi đến đích, nhất thiết phải biết được địa hình, dòng chảy của vùng nước. Nhận biết trật tự thế giới, do đó, có tầm quan trọng chiến lược đối với mọi quốc gia lớn nhỏ trên thế giới.

Sự tan rã của hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới, sự chấm dứt cuộc chiến tranh lạnh và sự sụp đổ của siêu cường Liên Xô vào các năm 1989-1991 đã đánh dấu sự kết thúc của một trật tự thế giới cũ và mở ra một kỷ nguyên mới. Song đâu là đặc trưng của trật tự thế giới mới thì mặc dù đã hơn 15 năm trôi qua, câu hỏi đó đến hôm nay vẫn còn nguyên tính thời sự.

“Trật tự nào sẽ thay thế cho cấu trúc lưỡng cực trong chiến tranh lạnh của thế giới?” Ba công thức nổi lên chi phối các phân tích chính trị toàn cầu trong thập niên 90 là các công thức “thế

giới đa cực”, “khoảnh khắc đơn cực”, và “sự đụng độ giữa các nền văn minh”.¹ Thuyết đa cực đã bị thực tế bác bỏ, nhất là sau cuộc chiến tranh của Mỹ vào Iraq năm 2003. Thuyết đụng độ giữa các nền văn minh, có vẻ được chứng minh bởi sự kiện 11/9/2001, nhưng sai về cơ bản khi cho rằng lần ranh xung đột (cũng như chất keo liên kết) chủ yếu của chính trị quốc tế được tạo bởi các nền văn minh. Chỉ còn thuyết “đơn cực” là tương đối gần với thực tế hơn cả.

Tuy phản ánh thực tế thế giới nhưng mô hình “đơn cực” thể hiện một thực tế *nhìn từ nước Mỹ*. Nó chỉ ra cho Mỹ hai mục tiêu đại chiến lược: một là tìm cách kéo dài khoảnh khắc đơn cực, hai là chuẩn bị cho một trật tự đa cực trong tương lai. Đối với các nước khác, nó chỉ cho một lối đi duy nhất: thích nghi với sức mạnh bao trùm của Mỹ. Lựa chọn thứ hai: nổi lên chống lại trật tự đơn cực, là điều không tưởng.

Chính vì sự “hẹp hòi” này của mô hình đơn cực mà nhiều nước không muốn chấp nhận nó. Trung Quốc, chẳng hạn, đã “bản địa hóa” mô hình đơn cực thành khái niệm “nhất siêu đa cường”. Khái niệm này ngoài việc phản ánh thực tế còn cho Trung Quốc một vai trò: là một trong các cường quốc, và khơi dậy một khát vọng: phấn đấu trở thành siêu cường. Khái niệm “nhất siêu đa cường”, như vậy, là một mô tả thực tế *nhìn từ góc độ của Trung Quốc*. Nó là một cái la bàn cho Trung Quốc tìm đường đi trong những năm sắp đến. Một trong những ngụ ý của công thức “nhất siêu đa cường” là đa cường có thể cự lại được siêu cường, đa cường cần hợp tác với nhau để ngăn chặn những sự quá lộ của siêu cường. Nói cách khác, siêu cường không thể một mình kiểm soát thế giới, chỉ có sự cộng tác của nhất siêu đa cường mới làm được việc đó.² Tuy nhiên, thực tế đã không diễn ra như ngụ ý này. Do đó, đối với Trung Quốc, cái la bàn “nhất siêu đa cường” mách bảo phải ứng xử mềm mỏng với siêu cường, tập trung cố gắng bồi dưỡng bản thân lên thành siêu.

Ở một mức độ nhất định, Việt Nam cũng tiếp thu mô hình này để mô tả (và kéo theo là tư duy) thế giới. Với một nước như Việt Nam, cái la bàn “nhất siêu đa cường” có tác dụng gì? Trước hết, so với mô hình “đơn cực” mà Việt Nam tin tưởng trong suốt thập niên 90, mô hình

¹ Khái niệm “khoảnh khắc đơn cực” xuất hiện lần đầu trong Charles Krauthammer, “The Unipolar Moment,” *Foreign Affairs* 70:1 (1990/91), tr. 23-33. Khái niệm “sự đụng độ giữa các nền văn minh” do Samuel Huntington đề xướng trong bài báo “The Clash of Civilizations?” *Foreign Affairs* 72:3 (1993), tr. 22-49. Khái niệm “thế giới đa cực” đã xuất hiện từ trước khi chiến tranh lạnh kết thúc và trở nên phổ biến sau đó. Một trong những người tiên phong dự báo sự hình thành của thế giới đa cực là Henry Kissinger. Xu hướng đa cực hóa cũng được Trung Quốc dự đoán từ những năm 1984-86, bởi Huan Xiang, cố vấn an ninh quốc gia của Đặng Tiểu Bình. Xem Michael Pillsbury, *China Debates the Future Security Environment* (Washington, D.C.: National Defense University Press, 2000).

² David Shambaugh, “China’s Military Views the World: Ambivalent Security,” *International Security* 24:3 (1999/2000), tr. 63; Brantly Womack, “Asymmetry Theory and China’s Concept of Multipolarity,” *Journal of Contemporary China* 13(39), 5/2004, tr. 356.

“nhất siêu đa cường” đưa Việt Nam đến gần thực tế của thế giới hơn. Song, công thức “nhất siêu đa cường” không cho biết gì về vai trò và vị trí của Việt Nam trên thế giới. Vô hình chung, nó khiến Việt Nam nhìn thế giới theo lăng kính của Trung Quốc và nếu không chú ý thì sẽ đẩy Việt Nam đi theo chiến lược của Trung Quốc.

Đối với một nước không “siêu” chẳng “cường”, công thức “nhất siêu đa cường” gợi ra nhiều con đường khác nhau tùy theo cảm nhận của chủ thể. Nó có thể gợi ý hãy thích ứng với nhất siêu nhưng đồng thời đừng quên đa cường, nếu như anh muốn nương theo thời thế. Nó có thể gợi ý hãy liên minh với đa cường để chống lại nhất siêu, nếu như anh quyết không muốn sống dưới trướng một kẻ độc tôn. Nó cũng có thể phần nào gợi lên khát vọng vươn lên thành một cường quốc nhưng không cho biết phải làm gì để đạt được điều ấy. Phải chăng là nương vào siêu và dựa vào cường? Song, liệu con đường này có dẫn đến đích hay không? Dù sao, khát vọng vươn lên thành một trong đa cường đã là cách hiểu rất “bản địa hóa” rồi, không phải ngụ ý nguyên thủy của mô hình khi nó còn ở Trung Quốc.

So với công thức “đơn cực”, công thức “nhất siêu đa cường” rõ ràng là tinh xảo hơn. Trên thực tế, đơn cực Mỹ không có nghĩa là Mỹ kiểm soát toàn thế giới. Nó chỉ có nghĩa là Mỹ vượt trội so với toàn bộ thế giới còn lại. Ở nhiều địa phương trên thế giới, ví dụ ở châu Âu và châu Á, ý niệm đơn cực Mỹ không mô tả được đúng đắn tình hình. Nhiều nước châu Âu cảm thấy quyền lực của Bruxelles mạnh hơn quyền lực của Washington. Một vài nước châu Á lại cảm thấy sức mạnh của Trung Quốc cũng tương đương với sức mạnh của Mỹ. Khái niệm “nhất siêu đa cường” do đó tỏ ra ưu việt hơn khái niệm “đơn cực”.

Thế nhưng, công thức “nhất siêu đa cường” vẫn không giải thích được tại sao tình trạng ở châu Âu lại khác tình trạng ở châu Á và khác ra sao. Lý do là vì mọi mô tả cực tính, dù là “đơn cực”, “đa cực” hay “nhất siêu đa cường”, đều có chung một điểm mù. Chúng chỉ nhìn quyền lực địa chính trị theo phương “thẳng đứng”, đo xem nước nào mạnh hơn và yếu hơn, mà không nhìn theo phương “nằm ngang”, để thấy tầm với địa lý của các nước khác nhau như thế nào. Một mô tả chính xác quyền lực địa chính trị cần phải có cả hai chiều “thẳng đứng” và “nằm ngang”, phải mô tả cả “cực tính” và “vực tính” của phân bố quyền lực. Chính vì vậy mà các công thức “đơn cực”, “đa cực” và “nhất siêu đa cường” đều bỏ qua một đặc điểm quan trọng về cấu trúc địa lý của quyền lực thế giới. Đặc điểm ấy là sự khu vực hóa của trật tự thế giới đương đại. Để có một mô tả chính xác hơn về trật tự thế giới, cần phải khảo sát cảnh

quan địa chính trị thế giới theo hai chiều kích “thẳng đứng” và “nằm ngang” của quyền lực, tức là sức mạnh và tầm với địa chính trị của các quốc gia.

Các nước lớn trên thế giới

Sức mạnh địa chính trị của một nước bao gồm sức mạnh quân sự, tầm vóc kinh tế, và ảnh hưởng quốc tế của nước đó. Muốn đo chính xác các sức mạnh này phải dùng rất nhiều thông số. Để đơn giản hóa, và lại mục đích của ta ở đây chỉ là đưa ra một sự so sánh tương đối, ta sẽ chỉ dùng một số ít tiêu chí để đánh giá sức mạnh của các nước. Sức mạnh kinh tế được đánh giá thông qua tổng sản phẩm nội địa tính theo tỷ giá hối đoái, có tham khảo thêm số dân và tốc độ tăng trưởng trong dài hạn để ước đoán tiềm năng trong tương lai (xem bảng 1). Sức mạnh quân sự được đo bằng chi phí quân sự tính theo cả tỷ giá hối đoái và sức mua tương đương, và số đầu đạn hạt nhân (xem bảng 2). Ảnh hưởng quốc tế được biểu thị bằng mạng lưới các mối quan hệ thân cận với các nước ngoài (gọi tắt là “kết giao chặt chẽ”, ví dụ như quan hệ đồng minh và các quan hệ thân thiết khác), ghế ủy viên thường trực Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc và số tiền viện trợ dành cho nước ngoài hàng năm (xem bảng 3). Những thông số này giúp ta có được một hình dung tương đối về so sánh sức mạnh tổng hợp của các nước (xem bảng 4).

Bảng 1. Các nước mạnh nhất thế giới về kinh tế

Nước	GDP 2004 (tỷ đô la)	Tăng GDP 1990-1999	Tăng GDP 2000-2004	Dân số 2006
EU 25	12.803.390	456.953.258
Mỹ	11.713.000	3,1	2,74	298.444.215
Nhật Bản	4.669.320	1,7	1,26	127.463.611
Đức	2.740.670	2,3	1,24	82.422.299
Anh	2.124.460	2,1	2,66	60.609.153
Pháp	2.046.740	1,9	2,10	60.876.136
Trung Quốc	*1.931.000	9,7	8,52	1.313.973.713
Ý	1.677.910	1,5	1,32	58.133.509
Tây Ban Nha	1.039.970	2,6	3,32	40.397.842
Canada	991.670	2,4	3,34	33.098.932
Ấn Độ	680.680	5,6	5,66	1.095.351.995

Hàn Quốc	679.670	6,1	5,40	48.846.823
Mexico	676.150	3,3	2,64	100.449.525
Úc	630.150	3,3	2,88	20.264.082
Brasil	593.090	1,8	2,30	188.078.227
Nga	582.320	- 5,3	6,88	142.893.540
Hà Lan	579.000	3,0	1,20	16.491.461
...
Việt Nam	45.820	7,4	7,12	84.402.966

Nguồn: - United Nations Statistics Division, *National Accounts Statistics: Analysis of Main Aggregates, 2003-2004* (New York: United Nations, 2006), pp. 5-9, 131-134 (về các chỉ số kinh tế). * Con số chính thức của Trung Quốc, đã cộng thêm 17% theo điều chỉnh năm 2006. Với mức tăng trưởng cao, Trung Quốc sẽ vượt Anh trong năm 2006.

- CIA Factbook 2006 (về số dân).

Bảng 2. Các nước mạnh nhất thế giới về quân sự

Nước	Số đầu đạn hạt nhân (hoạt động/tổng cộng)	Chi phí quân sự (tỷ \$ MER)	Chi phí quân sự (tỷ \$ PPP)	Chiếm phần thế giới (%)
Mỹ	5.735/10.000	455,3	455,3	47
Nga	5.830/16.000	[19,4]	[66,1]	[2]
Pháp	350	46,2	51,2	5
Anh	<200	47,4	46,2	5
Trung Quốc	130/200	[35,4]	[161,1]	[4]
Ấn Độ	40-50	15,1	81,8	2
Nhật Bản	0	42,4	35,2	4
Đức	0	33,9	36,9	3
Pakistan	24-48		16,1	
Israel	[75-130]	10,7		
Bắc Triều Tiên	0-7			

Nguồn: - SIPRI Yearbook 2005 (về chi tiêu quân sự) số liệu 2004.

- Wikipedia, Bulletin of the Atomic Scientists, Federation of American Scientists (về số đầu đạn hạt nhân), số liệu 2005, riêng Pakistan 2001, số liệu cho Israel là tổng số vũ khí hạt nhân, ước đoán của cộng đồng tình báo Mỹ cuối thập kỷ 1990.

Bảng 3. Các nước có ảnh hưởng quốc tế lớn nhất trên thế giới

Nước	Thường trực Hội đồng Bảo an	Viện trợ nước ngoài (tỷ đô la)	Mạng lưới các Kết giao chặt chẽ
Mỹ	có	17.257	Rất rộng
Anh	có	7.069	Rộng
Pháp	có	7.678	Tương đối rộng
Trung Quốc	có	ít	Đang mở rộng
Nhật Bản	đang xin	12.432	Tương đối hẹp
Nga	có	ít	Tương đối hẹp
Đức	đang xin	7.895	Tương đối hẹp

Nguồn: - Center for Global Development (về viện trợ nước ngoài), số liệu 2005.

Bảng 4. So sánh sức mạnh tổng hợp các cường quốc hàng đầu thế giới

Nước	GDP (tỷ đôla)	Dân số (triệu)	Đầu đạn hạt nhân	Chi phí quân sự	Viện trợ nước ngoài	Hội đồng Bảo an
Mỹ	11.713	298,444	5.735	455,3	17.257	X
EU	12.803	456,953				
- Anh	2.124	60,609	<200	47,4	7.069	X
- Pháp	2.047	60,876	350	46,2	7.678	X
- Đức	2.741	82,422	0	33,9	7.895	
Trung Quốc	1.931	1.313,973	130	35,4	ít	X
Nga	582	142,893	5.820	19,4	ít	X
Nhật Bản	4.669	127,464	0	42,4	12.432	
Ấn Độ	681	1.095,352	50	15,1	ít	

Ghi chú số liệu: GDP: năm 2004; dân số: 2006; đầu đạn hạt nhân: 2005; chi phí quân sự: 2004; viện trợ nước ngoài: 2005.

So sánh tổng thể toàn thế giới cho thấy thế giới hiện nay có 8 nước lớn là Mỹ, ba nước EU: Anh, Pháp và Đức; Trung Quốc, Nga, Nhật Bản và Ấn Độ. Trong đó Mỹ áp đảo về quân sự và vượt trội về ảnh hưởng quốc tế. Riêng về kinh tế, Mỹ phải chia sẻ vị trí đứng đầu với EU, và hai nền kinh tế này cùng vượt trội so với phần còn lại của thế giới. Về kinh tế, các nước EU có thể tính gộp vì EU đã là một thị trường thống nhất, với một chính sách thuế quan chung và một chính sách tiền tệ chung (chỉ trong khu vực đồng euro). Tuy nhiên sức mạnh quân sự và ngoại giao của các nước thành viên EU không gộp lại thành một vì thứ nhất, EU vẫn chưa có một bộ ngoại giao và một quân đội chung, và thứ hai, các quyết định chiến lược vẫn thuộc thẩm quyền của từng quốc gia thành viên và trong nhiều trường hợp, điển hình là chiến tranh Iraq, họ không có xu hướng đồng nhất. So sánh quyền lực tổng hợp thì Liên Âu vẫn còn ở rất xa sau Mỹ.

Nếu như sự vượt trội của Mỹ đã rõ ràng thì đánh giá sự hơn kém về sức mạnh tổng hợp của các nước còn lại không phải là một việc dễ dàng. Ta có thể dễ dàng xếp Liên Âu (như là đại diện cho các cường quốc EU) đứng đầu và Ấn Độ đứng cuối nhóm còn lại, nhưng sẽ khó khăn hơn khi so sánh sức mạnh của Trung Quốc, Nhật Bản và Nga. Trong một chừng mực nào đó, có thể coi EU và Trung Quốc thuộc tốp đầu, còn Nga, Nhật Bản và Ấn Độ thuộc tốp sau. Trung Quốc được xếp cao hơn Nga, Nhật Bản và Ấn Độ chủ yếu vì tiềm năng lớn và xung lực phát triển cao được dự đoán cho thời gian tới. Tuy Nhật Bản có GDP bỏ xa các nước khác sau Mỹ nhưng lại không có vũ khí hạt nhân và không có ghế thường trực Hội đồng Bảo an LHQ. Ấn Độ tuy có một ít vũ khí hạt nhân nhưng cũng không phải là thành viên thường trực Hội đồng Bảo an và có GDP tương đối thấp. Nga tuy có GDP còn thấp hơn Ấn Độ một chút nhưng lại đang sở hữu nhiều vũ khí hạt nhân và có ghế ủy viên thường trực Hội đồng Bảo an. Hai yếu tố này khiến địa vị cường quốc của Nga được xếp cao hơn Nhật Bản và Ấn Độ. Giống như Nhật Bản, Đức cũng không có vũ khí hạt nhân và ghế ủy viên thường trực Hội đồng Bảo an nên lẽ ra phải xếp sau Nhật Bản, vì Đức có GDP thấp hơn, viện trợ cũng ít hơn, nhưng để tiện lợi, ở đây ta xếp chung với các nước lớn EU khác. Trong phạm vi EU, địa vị của Đức được đánh giá ngang Pháp và Anh. (Đây cũng là một biểu hiện cho thấy trật tự thế giới ở châu Âu khác về chất so với ở châu Á.) Cũng vì được coi ngang Anh và Pháp nên trong một số trường hợp, Đức được “đi cùng” 5 nước ủy viên thường trực Hội đồng Bảo an, ví dụ như trong vụ các nước lớn thảo luận vấn đề hạt nhân của Iran hiện nay.

Tham vọng và tầm với của các nước lớn

Những năm 1990 là giai đoạn các nước lớn đi tìm định hướng chiến lược mới của mình cho thời kỳ sau chiến tranh lạnh. Sự chấm dứt thế đối đầu Xô-Mỹ và sự tan rã của hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới đã làm biến đổi toàn bộ cán cân lực lượng toàn cầu cũng như trật tự thế giới. “Ai sẽ nuôi tham vọng gì” trở nên một câu hỏi lớn của thập kỷ. Một mặt, các nước lớn phải tự hỏi mình muốn gì, tham vọng đến đâu. Mặt khác, chừng nào họ chưa rõ ai có khả năng xung đột tham vọng với mình và ai có khả năng cộng tác chiến lược với mình thì chừng đó, họ chưa thể có được một định hướng chiến lược ổn định. Do đó những năm 1990 là thời kỳ chuyển tiếp chiến lược trong đó các nước và thế lực lớn vừa xây dựng lực lượng, vừa thử nghiệm, tìm tòi về tham vọng và tầm với của bản thân cũng như của các thế lực khác.

Sau chiến tranh lạnh, Mỹ xác định mục tiêu chiến lược là giữ vững vị trí siêu cường duy nhất của mình. Chính sách đối nội và đối ngoại của Mỹ được hoạch định nhằm đảm lãnh vai trò “lãnh đạo thế giới”. Trải qua năm nhiệm kỳ của ba tổng thống, Mỹ đã thử nghiệm nhiều phương thức đại chiến lược khác nhau nhưng đều nhằm một mục tiêu đại chiến lược xuyên suốt nói trên. Nhiệm kỳ George Bush (1988-1992), Mỹ không tin có thể một mình lãnh đạo thế giới nên đã đi tìm một “đối tác cùng lãnh đạo”, mà một số người tưởng là nước Đức tái thống nhất có thể đảm lãnh vai trò này, nhưng cuối cùng nước Đức đã tỏ ra không muốn, mà cũng không đủ khả năng. Nhiệm kỳ 1 Clinton (1992-1996) chuyển trọng tâm sang xây dựng các thể chế đa phương. Mở rộng NATO, xây dựng quan hệ xuyên Đại Tây Dương mới, thúc đẩy quá trình APEC nằm trong số những mũi nhọn chiến lược của thời kỳ này. Tuy nhiên sự yếu kém của các đồng minh châu Âu và EU cũng như sự ỉ ạch của quá trình hợp tác châu Á-Thái Bình Dương đã làm Mỹ mất tin tưởng vào các cơ chế đa phương. Sang nhiệm kỳ 2 Clinton (1996-2000), yếu tố đơn phương ngày càng mạnh hơn yếu tố đa phương trong chính sách đối ngoại của Mỹ. Chủ nghĩa đơn phương lên đến đỉnh cao trong nhiệm kỳ 1 George W. Bush (2000-2004), nổi bật với cuộc chiến Iraq năm 2003, trong đó Mỹ tự mình quyết định và tiến hành chiến tranh, không cần NATO hay Liên Hợp Quốc. Nhưng cũng chính sự thi triển tối đa chủ nghĩa đơn phương trong thời kỳ này đã cho thấy những giới hạn của nó. Vào nhiệm kỳ 2 George W. Bush (2004-2008), chủ đạo chiến lược đối ngoại của Mỹ ngày càng tăng màu sắc của “chủ nghĩa song phương”: các mối kết giao tay đôi với một loạt đồng minh và đối tác thân cận, mà đặc biệt trong số các cường quốc là với Nhật Bản và Ấn Độ, ngày càng nhích dần vào trọng tâm chiến lược của Mỹ.

Sau quá trình thử nghiệm chiến lược nói trên, định hướng đối ngoại của Mỹ dần đi vào ổn định. Thế ổn định này có một số đặc điểm. Thứ nhất, Mỹ tiếp tục nuôi tham vọng toàn cầu. Thứ hai, địa bàn trọng điểm chiến lược của Mỹ chuyển từ mồm phía Tây lục địa Âu-Á (châu Âu) sang dải phía Đông Nam lục địa này (Trung Đông, Đông Á và Nam Á). Thứ ba, NATO không còn là cơ chế đồng minh chủ chốt của Mỹ nữa mà thay vào đó là một cơ chế mới đang xây dựng, trụ cột là các quan hệ chiến lược với Nhật Bản và Ấn Độ.

Sự dịch chuyển địa bàn trọng điểm chiến lược và sự thay đổi cơ chế đồng minh chủ chốt của Mỹ là việc điều chỉnh cho phù hợp với thực tế mới nhằm phục vụ mục tiêu chiến lược giữ vững vai trò lãnh đạo thế giới của Mỹ. Trong thời kỳ chiến tranh lạnh, châu Âu và NATO đóng vai trò trung tâm trong chiến lược của Mỹ vì cuộc tranh chấp với Liên Xô là mối lo chiến lược hàng đầu của Hoa Kỳ. Chuyển sang thời kỳ hậu chiến tranh lạnh, nổi lên hai thế lực công khai hoặc tiềm tàng thách thức vai trò lãnh đạo thế giới của Mỹ ở mức độ toàn cầu là Hội giáo cực đoan và Trung Quốc. Để đối phó với hai thế lực này, Mỹ đã chuyển địa bàn trọng điểm chiến lược về Trung Đông và Đông Á rộng (bao gồm các khu vực bao quanh Trung Quốc), đồng thời xây dựng các mối kết giao với Nhật Bản và Ấn Độ thành những trụ cột như mối kết giao Bắc Đại Tây Dương khi xưa. Cơ chế liên kết mới của Mỹ ở địa bàn này sẽ có hình thù ra sao là câu hỏi chưa thể trả lời. Có thể sẽ là một “Liên minh các nền dân chủ châu Á” hoặc có thể sẽ chẳng phải là một thể chế đa phương nào. Nhưng quan hệ với Nhật Bản và Ấn Độ sẽ là những cột trụ không thể thiếu được trong chính sách đối ngoại của Mỹ.

Một cường quốc nữa cũng ấp ủ tham vọng toàn cầu là Liên hiệp Âu châu. Khát vọng hòa bình và thịnh vượng chung ở châu Âu cùng với khát vọng trở thành siêu cường thế giới đã là những động cơ chủ yếu thúc đẩy quá trình hợp nhất châu Âu trong những năm 1990. Tham vọng siêu cường của EU có thể coi là sự tiếp nối tham vọng toàn cầu của các cường quốc Âu châu, đặc biệt là Anh, Pháp và Đức. Một mình từng nước lớn Âu châu, như Anh, Pháp, hay Đức khó lòng nuôi tham vọng toàn cầu trong thời đại hiện nay nhưng một liên hiệp các nước Âu châu thì có thể trở thành một siêu cường thế giới. Tuy nhiên, các nỗ lực của châu Âu trong việc đóng vai một cường quốc toàn cầu, qua các công tác liên quan đến chiến tranh và hòa bình tại Somali, Ruanda, Afghanistan, Sudan, Côngô (Zaire), v.v., đều cho thấy khả năng rất hạn chế của các nước EU nhằm theo đuổi tham vọng toàn cầu. Trên thực tế, tầm với của các nước EU chỉ tập trung trong và xung quanh khu vực châu Âu. Nói cách khác, Liên hiệp Âu châu, với tư cách một thực thể hợp nhất hoặc với tư cách một vài nước thành viên, chỉ là một “nước lớn không thể thiếu được” ở châu Âu và phần nào ở Trung Đông cũng như châu Phi.

Tại các địa bàn khác như Đông Á, Nam Á và Mỹ Latinh, EU nói chung cũng như từng nước thành viên không phải là một thông số đáng kể trong phương trình chiến lược của khu vực.

Nước Nga, cường quốc kế thừa Liên Xô trước đây, cũng được một số người coi là có tham vọng toàn cầu. Tuy nhiên thực lực của nước Nga hiện nay, với GDP đứng thứ 15 và chi phí quân sự chiếm 2% toàn thế giới, không cho phép Moskva theo đuổi bất kỳ một tham vọng toàn cầu nào. Từ thực lực này cho đến những tuyên bố hùng hồn về vai trò cường quốc thế giới của Nga là cả một quãng cách xa vời. Khoảng cách giữa “lý thuyết” và thực tiễn trong các động thái chiến lược của Nga cũng có thể thấy qua việc nước này rút khỏi căn cứ quân sự ở Cam Ranh ngay khi Tuyên bố về quan hệ Đối tác chiến lược giữa Nga và Việt Nam còn chưa ráo mực. Quá trình ổn định chiến lược của nước Nga trong thời kỳ hậu Xôviết là một quá trình đầy mâu thuẫn. Một mặt, Nga vẫn muốn giữ lại những uy thế mà Liên Xô từng được hưởng, những uy thế do vai trò của một cường quốc thế giới mà có. Mặt khác, Nga phải sắp xếp lại lực lượng đã thu hẹp của mình, xác định những trọng tâm và ưu tiên chiến lược mới. Mâu thuẫn này biểu hiện qua việc nước Nga liên tục cắt giảm kho vũ khí hạt nhân (khiến cho việc duy trì thế cân bằng chiến lược với Mỹ là bất khả thi) nhưng vẫn khẳng định quyết tâm giữ thế cân bằng chiến lược trên thế giới.

Trên thực tế, quá trình ổn định chiến lược của nước Nga từ khi Liên Xô sụp đổ cho đến nay là một quá trình từ bỏ tham vọng toàn cầu và xác lập vai trò nước lớn khu vực. Đó là một quá trình tái định hướng nước Nga về mặt địa chính trị. Nửa đầu thời kỳ Yeltsin đánh dấu sự thay thế định hướng toàn cầu của Liên Xô cũ bằng định hướng Đại Tây Dương. Quá trình này về cơ bản có ý nghĩa như sự gia nhập phương Tây của nước Nga và là sự nối tiếp của ý tưởng “Ngôi nhà chung châu Âu” từ thời Gorbachov. Nhưng kích cỡ to lớn và niềm kiêu hãnh riêng của nước Nga, cùng với những chống đối cả từ nội bộ nước Nga lẫn nội bộ phương Tây đã không cho phép quá trình này dẫn đến thành công. Sự thất bại của việc nước Nga gia nhập phương Tây, mà một trong các biểu hiện là việc đặt nước Nga ở ưu tiên cuối cùng trong quá trình mở rộng NATO và EU, cũng như số lượng ít ỏi của đầu tư và trợ giúp của phương Tây vào Nga, đã đẩy Moskva đi tìm cho mình một không gian địa chính trị riêng. Từ chỗ cố gắng “quay trở lại châu Âu” và coi mình như một thành viên của phương Tây, nước Nga trong nửa sau thời kỳ Yeltsin ngày càng chuyển dần sang định hướng Âu-Á và coi mình như “người anh cả” trong không gian Âu-Á, một khu vực về cơ bản đồng nhất với lãnh thổ Liên Xô cũ. Sang thời Putin, định hướng Âu-Á trong đại chiến lược của nước Nga càng được củng cố. Với định hướng Âu-Á, nước Nga xác định cho mình một vùng ảnh hưởng riêng và một vị thế độc lập

giữa các nước lớn trên thế giới. Nước Nga trở thành một nước lớn không thể thiếu được ở không gian Liên Xô cũ, phần nào ở Trung Đông và Đông Bắc Á, nhưng là một yếu tố có thể bỏ qua ở phần còn lại của thế giới.

Nếu như Nga là cường quốc đi xuống điển hình thì Trung Quốc là cường quốc đi lên điển hình trong các nước lớn hiện nay. Cũng như các nước khác, Trung Quốc cũng phải trải qua một quá trình ổn định chiến lược sau chiến tranh lạnh. Tuy nhiên, trong khi quá trình này đối với Liên Âu và Nga bao gồm trước hết việc đi tìm mục tiêu tối hậu thì đối với Trung Quốc, quá trình này chỉ giới hạn ở việc xác định phương thức đại chiến lược và các mục tiêu giai đoạn. Về mặt này, quá trình ổn định chiến lược của Trung Quốc có phần giống của Mỹ hơn của Nga và EU. Mục tiêu dài hạn của Trung Quốc là điều nước này đã ấp ủ từ lâu, đó là tái lập vai trò “trung tâm thiên hạ” mà Trung Quốc đã quen được hưởng trong thời kỳ trước cuộc chiến tranh thuốc phiện (1842). Khát vọng này nằm trong điều mà Trung Quốc vẫn gọi là “chấn hưng dân tộc Trung Hoa”.

Tham vọng toàn cầu của Trung Quốc đã bộc lộ trong thời Mao Trạch Đông, khi Bắc Kinh tự coi mình là lãnh tụ của các nước thế giới thứ ba trong cuộc đấu tranh với hai siêu cường và các nước công nghiệp phát triển. Định hướng chiến lược này, tuy nâng Trung Quốc lên hàng một cường quốc trung gian giữa Mỹ và Liên Xô, nhưng lại không cho phép Trung Quốc có được nguồn vốn và công nghệ cần thiết để nâng trình độ phát triển kinh tế. Với Đặng Tiểu Bình, Trung Quốc chuyển sang mục tiêu mới “bốn hiện đại hóa”, đồng thời áp dụng phương châm chiến lược “giấu mình chờ thời”. Tham vọng toàn cầu được giấu đi, kìm nén, không được cụ thể hóa, chỉ nói chung chung là phấn đấu cho một trật tự thế giới công bằng và dân chủ, đưa ra chiêu bài “đa cực hóa”. Sau một phần tư thế kỷ “cải cách khai phóng”, Trung Quốc đã từ một nước nghèo nàn lạc hậu vươn lên thành một nước công nghiệp hóa mới, trở thành một đầu tàu tăng trưởng của thế giới, với tổng sản phẩm xã hội đứng thứ 4 thế giới (2006) và một viễn cảnh sẽ vươn lên dẫn đầu thế giới sau nửa thế kỷ tiếp theo. Những điều này một mặt khiến nhiều nước, nhất là Mỹ, lo ngại Trung Quốc là đối thủ tiềm tàng của họ, mặt khác cũng khiến bản thân Trung Quốc khó lòng kiềm chế trong việc bày tỏ tham vọng. Một biểu hiện của việc thiếu kiềm chế là Trung Quốc cố sức tự đưa người vào vũ trụ trong khi thu nhập quốc dân đầu người vẫn còn ở mức nghèo (hơn 1000 đôla), một việc làm mà nhiều nước phát triển cao có khả năng cũng không đầu tư vì nặng tính khoa trương nhiều hơn là hiệu quả kinh tế. Cũng trong giai đoạn này, Trung Quốc đưa ra thuyết “hòa bình quật khởi” nhằm biện minh cho sự vươn lên vị thế một cường quốc thế giới. Khái niệm này sau một thời

gian thử nghiệm đã được thay thế bằng cụm từ nhẹ nhàng hơn là “hòa bình phát triển”. Dù Trung Quốc đã hết sức cẩn trọng trong ngôn từ, người ta vẫn dễ dàng nhìn thấy, dù không dễ dàng vạch ra, tham vọng toàn cầu của Trung Quốc.

Tuy nhiên, trong quá trình vươn lên Trung Quốc phải giải quyết một nghịch lý nan giải. Với số dân khổng lồ, lãnh thổ rộng, văn hóa truyền thống hết sức phong phú, kích cỡ kinh tế lớn và tốc độ phát triển chóng mặt, Trung Quốc dễ dàng gây ảnh hưởng ra ngoài khu vực. Hiện nay, Trung Quốc đã vươn ra không chỉ châu Á mà còn cả châu Phi và Mỹ La tinh. Trong một chừng mực nhất định, Trung Quốc bắt đầu cạnh tranh với các thế lực nước lớn truyền thống ở các khu vực này (Mỹ và các cường quốc Âu châu). Song địa thế của Trung Quốc buộc Trung Quốc phải khẳng định vị thế nước lớn khu vực châu Á trước khi chiếm lĩnh vị thế nước lớn toàn cầu. Và mặc dù về kích cỡ, một mình Trung Quốc có thể coi ngang một khu vực, nhưng bốn bề thì ba bề Trung Quốc giáp với các cường quốc là Ấn Độ, Nga và Nhật Bản. Nếu coi thêm Mỹ, với tư cách cường quốc thế giới và cường quốc biển cả, là nước lớn trên các đại dương thì có thể xem như Trung Quốc cả bốn bề đều tiếp giáp với các cường quốc. Sự phát huy ảnh hưởng ra khu vực xung quanh của Trung Quốc nhất thiết sẽ gặp phải sự cạnh tranh của các nước lớn này.

Nếu như nước Nga đang phải chuyển cách nhìn bản thân từ một nước lớn toàn cầu về một nước lớn khu vực, Trung Quốc lưỡng lự giữa hai cách nhìn, thì Ấn Độ và Nhật Bản vẫn quen nhìn bản thân như những nước lớn khu vực. Cũng vậy, nếu như nước Nga đã xác định khu vực của mình là lãnh thổ Liên Xô cũ (nay gọi là “không gian Âu-Á”), thì Ấn Độ và Nhật Bản hiểu khu vực của mình là châu Á, với Nhật Bản tập trung về phía Đông và Ấn Độ tập trung về phía Nam. Cũng như Ấn Độ và Nhật Bản, Trung Quốc hiểu khu vực của mình là châu Á, nhưng trong khi Ấn Độ và Nhật Bản ít có “dẫm lên chân nhau” thì Trung Quốc lại dễ va chạm với cả Ấn Độ và Nhật Bản. Cả hai nước Ấn Độ và Nhật Bản đều đã từng nuôi tham vọng vươn lên vị trí lãnh đạo khu vực châu Á. Nhật Bản từng đề xướng “Khu vực Thịnh vượng chung Đại Đông Á”, dùng sức mạnh quân sự nhằm bá chủ khu vực và đã thất bại trong chiến tranh thế giới thứ 2. Chính sách đối ngoại sau chiến tranh của Nhật chuyển sang gây ảnh hưởng thông qua sức mạnh kinh tế. Tham vọng của Ấn Độ đã được Thủ tướng lập quốc Jawaharlal Nehru đề ra là trở thành cường quốc số 1 ở châu Á.

Ba nước Trung Quốc, Nhật Bản và Ấn Độ đều cho rằng mình phải có vị trí xứng đáng lãnh đạo khu vực. Vấn đề lãnh đạo khu vực, tức là ảnh hưởng nước lớn lên các nước khác cũng

như lên các thể chế và chuẩn mực trong quan hệ quốc tế trong khu vực, trở thành vấn đề nan giải. Với sự vươn lên của Trung Quốc, liệu Ấn Độ và Nhật Bản có chịu chấp nhận vai trò lãnh đạo khu vực của Trung Quốc hay không? Một Trung Quốc lãnh đạo khu vực sẽ có nghĩa là Ấn Độ và Nhật Bản phải chịu lép vế trong các tranh chấp lãnh thổ với Trung Quốc và bị mất ảnh hưởng, thậm chí có nguy cơ bị cô lập trong khu vực. Bởi vậy, nếu như một số nước châu Á tìm cách nương theo sức mạnh đang lên của Trung Quốc thì Nhật Bản và Ấn Độ tìm cách kháng cự. Hai nước này đã và đang liên minh chiến lược với Mỹ để đối phó với các tranh chấp nước lớn xung quanh vấn đề lãnh đạo khu vực châu Á.

Các khu vực chiến lược mới

Sự khác biệt về sức lực, vị trí và định hướng của các nước lớn đã tạo nên một cấu hình đa dạng của không gian địa chính trị thế giới. Cấu hình này có mấy đặc điểm. Thứ nhất, quyền lực của Mỹ có mặt trên toàn cầu; Mỹ là nước lớn “không thể thiếu được” trên phạm vi toàn thế giới. Thứ hai, ảnh hưởng, tranh chấp và hợp tác nước lớn tập trung ở đại lục Á-Âu; đây là địa bàn cơ sở của tất cả các nước lớn ngoài Mỹ. Đặc điểm này dẫn đến đặc điểm thứ ba là châu Phi và Mỹ Latinh trở thành những khu vực có ảnh hưởng, tranh chấp và hợp tác nước lớn ở cường độ thấp. Thứ tư, đại lục Á-Âu được chia làm nhiều khu vực có cấu trúc quyền lực đặc thù. Kết quả là sẽ *không có một trật tự thế giới thống nhất* trên phạm vi toàn cầu mà sẽ là một sự *đa cực hóa của trật tự thế giới*. Sau đây sẽ đi vào từng khu vực như vậy.

Khu vực Liên Âu. Nơi đây đang hình thành một mẫu hình trật tự thế giới kiểu mới, trong đó các quốc gia tự nguyện nhường một phần đáng kể chủ quyền của mình cho một cấp thẩm quyền siêu quốc gia. Quá trình chuyển hợp chủ quyền này vẫn còn là một quá trình mở. Tuy nhiên cả hai khả năng: thiết lập một Hợp chủng quốc Âu châu theo kiểu Hoa kỳ, hoặc trở lại một liên minh các quốc gia đầy đủ chủ quyền theo kiểu ASEAN, đều nhỏ. Khả năng lớn là sẽ hình thành một thể chế chủ quyền đa cấp chưa từng có tiền lệ. Ảnh hưởng nước lớn bên ngoài chủ yếu là từ Mỹ, và chủ yếu ở các nước vừa và nhỏ, do các nước này chủ động kéo vào nhằm cân bằng ảnh hưởng của các “đại gia EU” như Đức, Pháp và Anh, cũng như để đối trọng với Nga (riêng đối với các nước Đông Âu). Tuy nhiên ảnh hưởng của Mỹ sẽ không dẫn đến tình trạng đối đầu giữa Mỹ và EU.

Khu vực giữa EU và Nga. Khu vực này bao gồm các nước châu Âu chưa gia nhập EU ở Đông Âu và Caucasus. Khu vực này nằm trên bán đảo Balkan và “hành lang Âu-Á” (các nước

cộng hòa Xôviết cũ ở Nam Caucasus và phía đông nước Nga ngoại trừ các nước Baltic). Đây là nơi tranh giành ảnh hưởng giữa phương Tây (Mỹ, EU) và Nga. Hiện nay, riêng Belarus chủ trương thân Nga chống phương Tây, Armeni vừa thân Nga vừa thân phương Tây, còn các nước khác (Ukraina, Moldova, Rumani, Bulgari, Montenegro, Serbi, Makedonia, Albani, Gruzia, Azerbaijan) đều chủ trương dựa vào Mỹ và hướng tới gia nhập EU. Tổ chức Dân chủ và Phát triển Kinh tế (ODED) mới được thành lập tháng 5/2006 trên cơ sở các nước GUAM (Ukraina, Moldova, Gruzia và Azerbaijan) có thể sẽ trở thành một thể chế hạt nhân ở khu vực này.

Khu vực Trung Á. Nước Nga coi đây là “nước ngoài gần”, là vùng ảnh hưởng truyền thống và chính đáng của mình. Khu vực này chịu ảnh hưởng của ba cường quốc: Nga, Mỹ và Trung Quốc. Ảnh hưởng của EU nhỏ nhưng trong tương lai có thể tăng lên. Ấn Độ cũng có thể gia tăng vai trò của mình ở khu vực. Hiện nay có một liên minh lỏng lẻo giữa Nga và Trung Quốc nhằm chống lại ảnh hưởng của Mỹ ở khu vực. Tổ chức Hợp tác Thượng Hải (SCO) do Trung Quốc khởi xướng và một số thể chế khác do Nga lãnh đạo đang song song tồn tại ở khu vực. Trong tương lai, nếu sức mạnh và ảnh hưởng của Trung Quốc gia tăng, SCO có thể trở thành một công cụ đa phương để Trung Quốc thi hành sự “lãnh đạo mềm” của họ trong khu vực.

Khu vực Trung Đông. Đây là một địa bàn trọng điểm chiến lược của Mỹ trên toàn cầu. Với sự chiếm đóng Iraq, Mỹ sẽ thiết lập sự hiện diện mạnh mẽ, thường xuyên và lâu dài ở khu vực. Bên cạnh Mỹ, các nước EU, Nga và Trung Quốc cũng sẽ tìm cách gia tăng ảnh hưởng của mình ở đây. EU sẽ thiên về hợp tác hơn là tranh chấp ảnh hưởng với các nước khác. Trong khi đó, Nga và Trung Quốc sẽ hợp tác hoặc cạnh tranh với Mỹ trong khu vực tùy theo quan hệ giữa hai nước này với Mỹ ở cấp độ chiến lược. Trong số các cường quốc cấp khu vực đáng kể có Iran, Thổ Nhĩ Kỳ, Israel, Ai Cập, Iraq và Ảrập Saudi. Vấn đề chiến lược chủ chốt trong khu vực tuy nhiên không phải là tranh chấp nước lớn mà là mâu thuẫn giữa một bên là thế lực Hồi giáo cực đoan và bên kia là Mỹ và Israel. Thế lực Hồi giáo cực đoan thường trực dưới dạng các mạng lưới khủng bố và phong trào chống Mỹ, chống Israel. Thế lực này hướng tới chiếm chính quyền ở các nước Hồi giáo nhằm làm bàn đạp cho một cuộc thánh chiến ở cấp độ toàn cầu. Nếu Hồi giáo cực đoan kiểm soát được chính quyền ở một hoặc vài cường quốc cấp khu vực nói trên và liên minh với nhau, khu vực Trung Đông sẽ rơi vào đối đầu lưỡng cực, khả năng chiến tranh cao, có thể biến thành chiến tranh uỷ nhiệm của các nước lớn.

Khu vực Nam Á. Ba nước lớn chủ chốt ở đây là Ấn Độ, Mỹ và Trung Quốc. Khủng hoảng chính trị ở các nước trong vùng có thể bị biến thành tranh chấp nước lớn giữa Ấn Độ và Mỹ một bên với Trung Quốc một bên.

Khu vực Đông Bắc Á. Khu vực này là nơi tiếp giáp của bốn nước lớn Trung Quốc, Nhật Bản, Nga và Mỹ. Có ba điểm nóng trên bán đảo Triều Tiên (vấn đề hạt nhân của Bắc Triều Tiên), trên biển Hoa Đông (tranh chấp lãnh thổ giữa Trung Quốc và Nhật Bản) và qua eo biển Đài Loan (vấn đề Đài Loan độc lập). Tiến tới hình thành thế lưỡng cực giữa Trung Quốc một bên và Mỹ, Nhật Bản, Đài Loan một bên, với Nga, thậm chí cả Hàn Quốc, có thể đóng vai trò trung gian hưởng lợi.

Khu vực Đông Nam Á. Bốn nước lớn tham gia phương trình chiến lược khu vực gồm có Trung Quốc, Mỹ, Nhật Bản và Ấn Độ. Khu vực Đông Nam Á sẽ là nơi khai triển chính của thế lưỡng cực khu vực châu Á giữa Trung Quốc một bên và Mỹ, Nhật Bản, Ấn Độ một bên.

Châu Phi, Mỹ Latinh và châu Đại dương. Cấu hình chung cho các khu vực này không phải là đa cực, lưỡng cực, hay đơn cực mà là nửa cực. Do tình trạng Mỹ là siêu cường duy nhất và các cường quốc khác tập trung ở đại lục Á-Âu, các khu vực này đều chịu ảnh hưởng nhẹ nhàng của Mỹ. Với đà phát triển kinh tế, Trung Quốc sẽ gia tăng ảnh hưởng ở các khu vực này. Nếu EU mạnh lên nhiều trong tương lai, Liên Âu cũng sẽ gia tăng ảnh hưởng ở châu Phi, Mỹ Latinh và châu Đại dương. Tranh chấp nước lớn chủ yếu giữa Mỹ và Trung Quốc. Tuy nhiên, do mức độ nhẹ của tranh chấp nước lớn, các nước nội khu vực sẽ được hưởng một độ tự do khá cao. Một số nước lâm vào nội chiến, một số nước có chiến tranh biên giới, một số nước tranh thủ phát triển kinh tế và một số nước có thể nổi lên như những nước lớn mới.

Tóm lại, trật tự thế giới mới sẽ là một trật tự đơn cực và đa cực. Tại châu Âu, một thế giới kiểu mới đang hình thành trong đó bên cạnh các quốc gia, một cơ chế siêu quốc gia đóng vai trò trung tâm, và một nền hòa bình vĩnh viễn có cơ thành tựu. Tại châu Á (bao gồm Đông Á và Nam Á), cấu trúc đa cực chuyển dần sang lưỡng cực, giữa Trung Quốc một bên và Mỹ, Nhật Bản, Ấn Độ một bên. Tại Trung Đông, cuộc đối đầu giữa Mỹ-Israel và Hồi giáo cực đoan có thể còn kéo dài nhiều thập kỷ. Tranh chấp giữa Nga với phương Tây ở không gian hậu Xôviết có thể đẩy Nga liên minh chiến lược với Trung Quốc. Nhưng thế thắng của liên minh Mỹ-Nhật-Ấn ở Đông và Nam Á có thể khiến Nga lặp lại con đường Trung Quốc đã đi dưới thời Đặng Tiểu Bình: không làm ngọn cờ, giữ thế trung gian, tập trung hiện đại hóa. Trật

tự thế giới ở châu Phi, Mỹ Latinh và châu Đại dương sẽ là nửa cực. Các quốc gia ở đây sẽ được hưởng độ tự do cao hơn các nước trên đại lục Á-Âu. Các nước châu Phi, Mỹ Latinh và châu Đại dương sẽ trở thành những nước “không liên kết” kiểu mới, không ràng buộc nặng nề vào các liên minh trên đại lục Á-Âu.

Cambridge, tháng 6/2006

* Tác giả cảm ơn anh Vũ Quang Việt đã cung cấp một số số liệu và ý kiến quý báu.